

Số: 02 /2016/NQ-HĐND

Nghi-Xuân, ngày 01 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH 13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của

Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,

Chuyển:..... Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính

Lưu hồ sơ số:..... phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc về ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh;

Sau khi xem xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Đề án quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018 (Có Quy định cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 7 năm 2016./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: Tư pháp, NN và PTNT, Tài chính;
- TT Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND, TT UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể và hội cấp huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT;

Gửi: + BảnĐT: Các thành phần nhận văn bản qua IO;
+ Văn bản giấy: Các thành phần còn lại.

CHỦ TỊCH



Trần Bái Hà

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp,
nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh
trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND
ngày 01/7/2016 của HĐND huyện Nghi Xuân)*

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi chung là người sản xuất, đơn vị thực hiện) trên địa bàn huyện.

3. Giải thích từ ngữ

- “VietGAP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- “VietGAHP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chăn nuôi lợn, gà, bò sữa an toàn tại Việt Nam.

- “Bò cái sinh sản” là bò cái lai (nội - ngoại), được sinh ra từ mẹ là giống bò Việt Nam và bố là giống bò nhóm Zêbu, đạt khối lượng từ 250 kg trở lên.

- Giống bò thịt: Bò lai Zêbu hoặc bò lai chất lượng cao.

- Nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi thường nhỏ hơn 01m; mật độ thả thưa dưới 20 con/m² đối với tôm sú, dưới 60 con/m² đối với tôm thẻ chân trắng.

- Nuôi tôm thâm canh: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2m; mật độ thả nuôi trên 20 con/m² đối với tôm sú, trên 60 con/m² đối với tôm thẻ chân trắng; có sử dụng sục khí hay quạt nước, thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Nuôi tôm trên cát công nghệ cao: Thuộc vùng quy hoạch nuôi tôm trên cát được cấp có thẩm quyền phê duyệt, là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2m; mật độ thả nuôi đối với tôm thẻ chân trắng trên 120 con/m²; có sử dụng hệ thống sục khí, quạt nước, nước được lấy từ biển và thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Giống lợn: Lợn nái ngoại cấp bố là lợn nái sinh sản có 100% máu lợn ngoại (như Landrace, Yorkshire...) và các tổ hợp lai ngoại khác. Lợn thịt phải là các giống lợn ngoại hướng nạc. Các hộ tự sản xuất con giống, liên kết với doanh nghiệp, đơn vị cung ứng con giống phải được kiểm định chất lượng giống.

- Chuồng trại chăn nuôi: Chuồng trại phải phù hợp với đặc điểm sinh lý của gia súc, gia cầm, đảm bảo tốc độ sinh trưởng nhanh, khả năng cho sản phẩm cao; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

- Vùng quy hoạch là vùng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với sản xuất quy mô trang trại phải được xây dựng trong các vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải được xử lý môi trường theo quy định; đảm bảo khoảng cách từ trang trại, vùng trang trại chăn nuôi tập trung đến khu dân cư, công trình công cộng khác theo đúng quy định của UBND tỉnh.

- Đối với chăn nuôi gia trại, hộ gia đình xây dựng mới, nâng cấp chuồng trại phải có hệ thống xử lý môi trường đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường (có bể biogas, xử lý sinh học...) và các quy định hiện hành.

- Ngoài ra phải đảm bảo kỹ thuật theo quy định của đơn vị liên kết tổ chức sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của Tỉnh còn hiệu lực.

- Chính sách được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động. Riêng điểm c, khoản 3, Điều 9 được hỗ trợ theo từng năm.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách huyện đảm bảo mức 80% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn.

2. Ngân sách cấp xã đảm bảo mức 20% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

3. Riêng đối với phần hỗ trợ chi phí chênh lệch sau khi đã cân đối giữa nguồn thu phí với chi phí hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng trên địa bàn từ 2 xã trở lên (theo điểm c, khoản 3, Điều 9) thì ngân sách xã phải đảm bảo 70%, ngân sách huyện đảm bảo 30%.

4. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo; mức chi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể, nhưng tối đa không quá 2% tổng kinh phí ngân sách các cấp hỗ trợ.

Điều 4. Thời gian thực hiện

Các nội dung hỗ trợ tại Quy định này được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai, hoàn thành đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2018.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nội dung hỗ trợ có trong Quy định này mà đã thực hiện hoàn thành trong năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 nhưng chưa được hưởng chính sách của huyện thì được áp dụng theo chính sách tại Quy định này.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6: Đối với trồng trọt

1. Rau, củ, quả sản xuất tập trung

Các mô hình đầu tư sản xuất rau, củ, quả tập trung theo quy hoạch, với quy mô tối thiểu 01 ha/vùng trở lên (danh mục rau, củ, quả được cơ cấu theo Đề án sản xuất do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt), được hỗ trợ một phần kinh phí san lấp, làm phẳng mặt bằng và hệ thống tưới phục vụ sản xuất với định mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

2. Hỗ trợ triển khai sản xuất theo VietGAP

Các mô hình sản xuất rau, củ, quả tối thiểu 01 ha tại vùng quy hoạch, sản xuất theo quy trình VietGAP, được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, đầu tư xây dựng nhà lưới, hệ thống điện, hệ thống tưới đạt tiêu chuẩn vùng sản xuất công nghệ cao, định mức hỗ trợ tối đa 30.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ cây Lạc

a) Các vùng sản xuất lạc giống tập trung nằm trong vùng quy hoạch được huyện phê duyệt và có liên kết với đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng với quy mô tập trung tối thiểu 10 ha được hỗ trợ 30% giá lạc giống (Bộ giống theo quy định của UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn).

b) Các tổ chức, cá nhân có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lạc với hộ nông dân thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong sản xuất với tổng diện tích tối thiểu 30 ha/vùng/năm hoặc lượng thu mua tối thiểu 90 tấn/năm, được hỗ trợ 20% kinh phí mua giống để xây dựng vùng nguyên liệu.

4. Hỗ trợ cây lúa

a) Các tổ chức, hộ gia đình cá nhân tổ chức sản xuất lúa tập trung theo quy chuẩn “cánh đồng mẫu lớn” nằm trong vùng quy hoạch với quy mô sản xuất từ 30 ha đến 50 ha, đảm bảo có liên kết đầu ra sản phẩm, được hỗ trợ 50% giá lúa giống nguyên chủng, mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000 đồng/ha.

b) Các tổ chức, hộ gia đình cá nhân tổ chức sản xuất lúa tập trung theo quy chuẩn “cánh đồng mẫu lớn” nằm trong vùng quy hoạch với quy mô sản xuất từ 50 ha trở lên, đảm bảo có liên kết đầu ra sản phẩm, được hỗ trợ 70% giá lúa giống nguyên chủng, mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/ha.

5. Hỗ trợ chuyển đổi đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác

Ngoài được hưởng chính sách quy định tại khoản 1, điều này, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chuyển đổi đất sản xuất kém hiệu quả sang sản xuất tập trung các loại cây trồng khác có hiệu quả hơn tại các vùng quy hoạch, có quy mô từ 01 ha trở lên cho thu nhập cao hơn thu nhập bình quân cây lúa, được hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha, mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

6. Hỗ trợ sản xuất Năm

Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất năm; xây dựng nhà xưởng chế biến năm được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí mua giống năm: Các mô hình trồng năm đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất tối thiểu đạt 2.000 bịch năm/lúa, mức hỗ trợ 2.000 đồng/bịch (đối với giống năm đóng bịch).

b) Hỗ trợ kinh phí làm lán trại sản xuất năm: Đối với hộ gia đình sản xuất năm có quy mô 100m² lán trại sản xuất tập trung trở lên được hỗ trợ một lần với mức 10.000 đồng/01m² diện tích lán trại cố định, mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ.

c) Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị chế biến năm: Các tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy móc, thiết bị để chế biến năm có công suất chế biến từ 20 tấn đến dưới 50 tấn năm tươi/năm, được hỗ trợ một lần bằng 50% kinh phí xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, mức hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

7. Hỗ trợ cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp (hình thành mới) nằm trong quy hoạch điểm kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đủ điều kiện hoạt động theo quy định, được hỗ trợ để xây dựng ki ốt, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ, cơ sở sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động.

Điều 7: Đối với chăn nuôi

1. Chăn nuôi lợn giống

Cơ sở chăn nuôi tập trung lợn giống ngoại sinh sản cấp bố mẹ được hỗ trợ sau khi dự án đã hoàn thành và đưa vào hoạt động, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở cung ứng giống thương phẩm quy mô tập trung từ 300 nái trở lên nằm trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có liên kết với các cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ, vừa; cơ sở phải đảm bảo tối thiểu 50% tổng sản lượng lợn con chất lượng cao cung ứng giống thương phẩm cho liên kết chăn nuôi vừa và nhỏ trên địa bàn huyện được hỗ trợ kinh phí xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, hệ thống xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các tài liệu tương đương, mức hỗ trợ 500.000 đồng/nái bố mẹ, tối đa không quá 150.000.000 đồng/cơ sở.

b) Các cơ sở chăn nuôi lợn giống có quy mô từ 200 - 300 nái (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phương án xử lý đối với chăn nuôi ngoài vùng quy hoạch) được hỗ trợ xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải, mức hỗ

trợ 400.000 đồng/nái bố mẹ, mức hỗ trợ tối đa không quá 120.000.000 đồng/cơ sở.

2. Chăn nuôi lợn thương phẩm

Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi lợn thương phẩm 100% máu ngoại theo hình thức liên kết (phải đảm bảo bao tiêu sản phẩm) để xây dựng chuồng trại và mua con giống, cụ thể như sau:

a) Quy mô từ 10 con đến dưới 30 con/lứa, mức hỗ trợ 500.000 đồng/con (chỉ áp dụng cho đối tượng hộ nghèo);

b) Quy mô từ 30 con đến dưới 100 con/lứa, mức hỗ trợ 200.000 đồng/con;

c) Quy mô từ 100 con đến dưới 500 con/lứa, mức hỗ trợ 200.000 đồng/con, tối đa không quá 60.000.000 đồng/hộ, cơ sở;

d) Quy mô từ 500 con đến dưới 1.000 con, mức hỗ trợ 120.000 đồng/con, tối đa không quá 90.000.000 đồng/hộ, cơ sở;

đ) Quy mô từ 1.000 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 90.000 đồng/con, tối đa không quá 120.000.000 đồng/hộ, cơ sở.

2. Chăn nuôi Bò

2.1. Chăn nuôi bò cái sinh sản (bò cái lai nội - ngoại), được sinh ra từ mẹ là giống bò Việt Nam và bố là giống bò nhóm Zêbu, phải đạt khối lượng từ 250 kg trở lên, cụ thể như sau:

a) Quy mô nuôi từ 5 đến dưới 10 con (tính cả bê hậu bị), được hỗ trợ 1.500.000 đồng/con.

b) Quy mô nuôi từ 10 đến dưới 30 con (tính cả bê hậu bị), được hỗ trợ 1.500.000 đồng/con, không quá 30.000.000 đồng/hộ, cơ sở

c) Quy mô nuôi từ 30 con trở lên (tính cả bê hậu bị), được hỗ trợ 1.000.000 đồng/con, tối đa không quá 50.000.000đ/hộ, cơ sở.

2.2. Chăn nuôi bò lai Zêbu hướng thịt, bò chất lượng cao (bò Charolaise, 3B), cụ thể như sau:

a) Quy mô nuôi từ 05 đến dưới 20 con (không phân biệt đực cái), được hỗ trợ 1.000.000 đồng/con.

b) Quy mô nuôi từ 20 đến dưới 50 con (không phân biệt đực cái) theo hình thức liên kết, được hỗ trợ 1.000.000 đồng/con, không quá 40.000.000 đồng/hộ, cơ sở;

c) Quy mô nuôi từ 50 con trở lên (không phân biệt đực cái) theo hình thức liên kết, được hỗ trợ 800.000 đồng/con, tối đa không quá 80.000.000 đồng/hộ, cơ sở.

3. Chăn nuôi Gà

a) Chăn nuôi gà giống: Cơ sở xây dựng mới chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ, có quy mô tối thiểu 1.000 con (được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định là cơ sở sản xuất gà giống), cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong huyện, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường và mua con giống, với mức 20.000.000 đồng/hộ, cơ sở.

b) Chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại và mua con giống, cụ thể như sau:

- Quy mô từ 500 con đến dưới 1.000 con, được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, không quá 5.000.000 đồng/cơ sở và xây dựng chuồng trại 5.000.000 đồng/cơ sở.

- Quy mô từ 1.000 con trở lên, được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, tối đa không quá 10.000.000 đồng/cơ sở và xây dựng chuồng trại 10.000.000 đồng/cơ sở.

c) Chăn nuôi gà thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà thả vườn, đồi (sử dụng giống gà địa phương, không tính gà dưới 7 ngày tuổi) được hỗ trợ xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường, mua con giống, cụ thể như sau:

- Quy mô từ 500 con đến dưới 1.000 con, được hỗ trợ 10.000.000 đồng/cơ sở.

- Quy mô từ 1.000 con dưới 3.000 con (nằm trong vùng quy hoạch, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo quy định), được hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

- Quy mô từ 3.000 con trở lên (nằm trong vùng quy hoạch, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo quy định), được hỗ trợ không quá 25.000.000 đồng/cơ sở.

4. Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Hỗ trợ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có công suất từ 70 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm trở lên/ngày đêm được ưu tiên lồng ghép các dự án đầu tư và hỗ trợ một phần kinh phí lập quy hoạch, đầu tư xây dựng mới nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị, hàng rào, sân, đường nội bộ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 120.000.000 đồng/cơ sở (hỗ trợ sau khi cơ sở hoàn thành và đi vào hoạt động).

Điều 8: Đối với nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản

1. Nuôi trồng thủy sản

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích tụ ruộng đất nông nghiệp (đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ) của các hộ gia đình, cá nhân để chuyển sang cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ tại địa bàn các xã: Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội với quy mô diện tích ao nuôi thâm canh từ 0,5 ha trở lên, được hỗ trợ 10.000.000 đồng/0,5 ha, mức hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống điện hạ áp phục vụ cho nuôi tôm công nghiệp nằm trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ tại địa bàn các xã: Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội với quy mô từ 03 ha ao nuôi thâm canh trở lên, được hỗ trợ 30% kinh phí mua thiết bị điện (cột điện, dây điện...), mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/vùng.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới ao hồ nuôi tôm thâm canh hoặc nâng cấp từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi

thâm canh có quy mô ao nuôi thâm canh từ 0,5 ha trở lên, được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, thiết bị (quạt nước, máy bơm), tối đa không quá 10.000.000 đồng/cơ sở, hộ.

d) Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư cơ sở nuôi tôm trên cát công nghệ cao nằm trong vùng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có diện tích từ 01 ha trở lên và doanh thu đạt trên 2 tỷ đồng/năm, được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống; thiết bị (quạt nước, máy bơm, bạt lót ...), mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá

2.1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đóng mới tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản, được hỗ trợ một lần như sau:

a) Đối với tàu công suất từ 400 CV trở lên, được hỗ trợ 150.000.000 đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 75.000.000 đồng.

b) Đối với tàu công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV, được hỗ trợ 100.000.000 đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 50.000.000 đồng.

c) Đối với tàu công suất từ 90 CV đến dưới 250 CV, được hỗ trợ 60.000.000 đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 30.000.000 đồng.

2.2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở thu mua và chế biến thủy hải sản trên 50 tấn/năm (có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân đảm bảo ổn định từ 02 năm trở lên), có đầu tư xây dựng nhà thu mua (hoặc chế biến), kho lạnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường, mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/cơ sở (hỗ trợ sau khi cơ sở đã đi vào hoạt động).

Điều 9: Đối với các lĩnh vực khác gắn với xây dựng nông thôn mới

1. Hỗ trợ thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác

a) Hợp tác xã thành lập mới (thành lập và đi vào hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, có UBND cấp xã xác nhận) hoạt động các lĩnh vực: Dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi lợn, bò, trồng rau trên cát, nấm, nuôi tôm, đánh bắt, chế biến hải sản và môi trường được hỗ trợ một lần với mức 10.000.000 đồng/Hợp tác xã để mua sắm một số trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động của Hợp tác xã.

b) Tổ hợp tác thành lập mới (thành lập và đi vào hoạt động theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ, có UBND cấp xã xác nhận) hoạt động các lĩnh vực: Dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi lợn, bò, trồng rau trên cát, nấm, nuôi tôm (có liên kết sản xuất, kinh doanh với doanh nghiệp) và lĩnh vực môi trường, được hỗ trợ 7.000.000 đồng/Tổ hợp tác.

c) Tổ hợp tác thành lập mới (thành lập và đi vào hoạt động theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ, có UBND cấp xã xác nhận) hoạt động lĩnh vực khai thác, chế biến thủy hải sản được hỗ trợ 10.000.000 đồng/Tổ hợp tác để mua sắm một số trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ hợp tác.

2. Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh

Các xã đăng ký đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới trong năm hiện tại và năm kế tiếp theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, được hỗ trợ:

a) Kinh phí xây dựng mô hình mẫu phát triển kinh tế vườn hộ (hộ gia đình xây dựng phương án được phòng chuyên môn cấp huyện thống nhất và Ban quản lý chương trình nông thôn mới xã phê duyệt), triển khai xây dựng đạt tối thiểu 60% khối lượng hoàn thành tiêu chí xây dựng vườn mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, được hỗ trợ kinh phí mua giống cây, làm hệ thống tưới tiết kiệm với mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/vườn, tối đa 10 vườn/xã.

b) Kinh phí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh đạt chuẩn (không tính khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đã được tỉnh hỗ trợ xây dựng đạt chuẩn) theo bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, do UBND huyện quy định đối với tổ dân phố văn minh, mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/khu, tổ; hỗ trợ sau khi khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh hoàn thành ít nhất 70% khối lượng theo quy định, riêng đối với 03 tiêu chí: Nhà ở và công trình phụ trợ, vườn hộ và công trình chăn nuôi và tiêu chí hàng rào xanh hoàn thành 100% khối lượng theo quy định.

3. Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bãi tập kết rác đảm bảo diện tích theo quy hoạch nông thôn mới của các xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức hỗ trợ 20% giá trị dự toán kỹ thuật của 01 công trình (01 điểm), tối đa không quá 20.000.000 đồng/xã.

b) Hỗ trợ xe đẩy tay, thùng đựng rác công cộng, được hỗ trợ 30% giá trị, mức hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/xã, thị trấn.

c) Hỗ trợ chi phí chênh lệch sau khi đã cân đối giữa nguồn thu phí với chi phí hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng cho các tổ chức thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác trên địa bàn từ 2 xã trở lên, mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/năm/xã.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện; các phòng, ban trực thuộc UBND huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân huyện

a) Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện việc hỗ trợ.

b) Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định.

c) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

d) Chỉ đạo các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm để các chính sách được tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

2. Các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ kinh phí

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành./.

CHỦ TỊCH



Trần Bái Hà

11

[Faint, illegible text or markings in the upper right corner]

